

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2025

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Kiều
Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2025, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1991;

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị P, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2011, ngày 20/5/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Trần Ngọc H, sinh ngày 25/01/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 07/9/2014. Hiện nay 02 con đang sống chung với vợ chồng. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Ngọc H và Trần Thị Ngọc D. Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Chị Đặng Thị P không gửi văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị P, yêu cầu được nuôi con chung; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Đặng Thị P có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đặng Thị P nhưng chị Đặng Thị P không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đặng Thị P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cao Lãnh (số 69/2011, ngày 20/5/2011), nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị P.

Anh T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn đã từ lâu, trước đây khi vợ chồng anh sinh sống ở Gia Lai, chị P không lo lắng, quan tâm gia đình, có lần bỏ đi 02 tháng không về, khi đó anh T đã có ý định ly hôn với chị P thì chị P có hứa sẽ thay đổi để vợ chồng hàn gắn và có viết giấy cam kết. Từ năm 2021, gia đình anh chị cùng ba mẹ của anh T đã bán hết tài sản ở Gia Lai về sinh sống tại thành phố Cao Lãnh làm ăn. Tuy nhiên, chị P cũng không thay đổi, không lo lắng, quan tâm gia đình, không chăm sóc con cái, có khi đi mấy ngày mới về nhà, việc chăm sóc con cái, gia đình phụ thuộc vào ba mẹ của anh T.

Do đó, anh T thấy tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị P.

Đối với chị P, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng, chị P không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản ý kiến để trình bày yêu cầu của mình, hay về nguyên nhân mâu thuẫn...

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..."*

Tuy nhiên, căn cứ trình bày của anh T cho thấy, giữa anh chị đã có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống từ lâu. Vợ chồng đã tìm phương án hàn gắn, nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T, chị P không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2.2] Về con chung của anh T, chị P là cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 25/01/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 07/9/2014. Hiện các cháu đang sống chung với anh T, chị P.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh T trình bày anh T, chị P sống chung với cha mẹ của anh T, thường ngày anh T, chị P đi làm thì các con được ông bà nội phụ giúp chăm sóc, chị P đi làm công nhân thủy sản, thường đi làm có khi mấy ngày mới về nhà. Do đó, qua tham khảo nguyện vọng của các cháu và để ổn định cuộc sống cho các cháu, tiếp tục giao con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Án phí:** Anh T phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Ngọc T.

- Anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Đặng Thị P.

2/ *Về con chung:*

Giao con chung là cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 25/01/2010 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 07/9/2014 cho anh Trần Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ *Về tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ *Về án phí*: Anh Trần Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003390 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Anh Trần Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Đặng Thị P không phải nộp án phí.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cao Lãnh, (Số 69/2011, ngày 20/5/2011);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng